

Số: /TM-TTYT
V/v đề nghị báo giá trang thiết bị CNTT
phục vụ triển khai Bệnh án điện tử

Tân Yên, ngày tháng 3 năm 2025

THƯ MỜI
**Về việc báo giá trang thiết bị phục vụ lập dự toán mua sắm tài sản,
trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử
năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Tân Yên**

Kính gửi: Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh trang thiết bị CNTT

Trung tâm Y tế huyện Tân Yên đang có nhu cầu mua sắm trang thiết bị phục vụ lập dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Tân Yên theo yêu cầu chi tiết như sau:

A. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tân Yên
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Ông Cao Văn Ninh
 - Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ
 - Số điện thoại: 0942223081
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc phòng Kế hoạch nghiệp vụ thuộc Trung tâm Y tế huyện Tân Yên - Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
 - Nhận qua email: vanthuttyttanyen@gmail.com
hoặc địa chỉ: ttyt_tanyen@bacgiang.gov.vn
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ ngày đăng tải báo giá trên Cổng thông tin đơn vị đến trước 16 giờ 30 phút ngày 01/4/2025;**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **90 ngày** kể từ ngày báo giá.

B. Nội dung yêu cầu báo giá:

Yêu cầu danh mục, số lượng và yêu cầu kỹ thuật tối thiểu được chi tiết tại mẫu báo giá đính kèm dưới đây.

***Lưu ý:** Yêu cầu kỹ thuật và tính năng của thiết bị tại phụ lục kèm theo là yêu cầu tối thiểu phải đáp ứng. Các đơn vị báo giá có thể báo giá các thiết bị có đặc tính, tính năng và thông số kỹ thuật tương đương. Giá hàng hóa là giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí lắp đặt, vận chuyển và các chi phí khác.

- Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, chuyển giao và hướng dẫn kỹ thuật, bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại đơn vị sử dụng: Giá báo giá phải bao gồm toàn bộ chi phí vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, chuyển giao và hướng dẫn kỹ thuật, bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất tại Trung tâm Y tế huyện Tân Yên – Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Báo giá kèm theo hồ sơ năng lực của các Nhà thầu được gửi về một trong các địa chỉ như sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư hoặc phòng Kế hoạch nghiệp vụ thuộc Trung tâm Y tế huyện Tân Yên - Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

- Nhận qua email: vanthuttyttanyen@gmail.com
hoặc địa chỉ: ttyt_tanyen@bacgiang.gov.vn

Thời gian nhận báo giá từ ngày đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Trung tâm đến hết **16 giờ 30 phút ngày 01/4/2025.**

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin đơn vị;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hoàn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn mời báo giá số /TTYT- KHNV ngày /3/2025 của Trung tâm Y tế huyện Tân Yên)

BÁO GIÁ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Tân Yên

Chúng tôi, Công ty (Tên Đơn vị)....., có địa chỉ tại: Số điện thoại

Chúng tôi cam kết là đơn vị có tư cách pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa trong lĩnh vực Công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

Căn cứ danh mục hàng hoá đề nghị báo giá của Quý Cơ quan, Chúng tôi báo giá đơn giá hàng hoá như sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu thông số kỹ thuật tối thiểu
I	Hạ tầng máy chủ			
1.1	Máy chủ	Bộ	02	- CPU: $\geq 2x$ Intel® Xeon® Silver 4514Y 2G, 16C/32T, 16GT/s, 30M Cache, Turbo, HT (150W) DDR5-4400 hoặc tương đương - RAM: $\geq 128GB$ - Raid controller support 0,1,5,6, 10,50, 60 - SDD: 2x 480 GB SSD - Interface Network: 2 x 1GbE Base-T và 2 x 10/25GbE SFP28 (kèm sẵn module quang 10GbE SFP+) - Dual Port FC16 Fibre Channel HBA hoặc tương đương cao hơn. - Dual, Hot-plug, Power Supply Fully Redundant (1+1) - Quản trị: Có tùy chọn hỗ trợ chức năng cho phép quản trị, kiểm tra tình trạng máy chủ, giám sát, khắc phục sự cố từ ứng dụng hỗ trợ thiết bị trên iOS hoặc Android thông qua hệ thống mạng không dây (wifi hoặc bluetooth) - Có phần mềm diệt virus với tính năng chi tiết như sau: + Tính năng phòng chống mã độc (Malware)

				• Có khả năng tự viết Rule để phát hiện và ngăn chặn các đe dọa an ninh chưa có mẫu nhận diện liên quan đến Buffer Overflow, Illegal API use, Process, Registry, Services, Files • Phát hiện và ngăn chặn mã độc nâng cao với công nghệ Machine Learning đồng thời cho các giai đoạn trước khi thực thi (Pre-Excution) và sau khi thực thi (Post-Excution) • Phòng chống tấn công khai thác (Exploit Protection/Prevention) • Đảm bảo an toàn cho máy tính đầu tiên của hệ thống (patient zero endpoint) khi chạy mã độc chưa có mẫu (Zero-day threat) với cơ chế Containment + Kiểm soát kết nối: • Quét và kiểm tra các kết nối vào ra, thực thi block/ngăn chặn theo chính sách bảo mật • Chính sách áp dụng dựa theo người dùng + Tính năng quản trị tập trung: • Vận hành tập trung qua giao diện web • Hỗ trợ tạo báo cáo với nhiều lựa chọn: Bar chart, Pie chart, chart, Summary table, Line chart, List table • Hỗ trợ các định dạng báo cáo bao gồm: CSV, HTML, XML, PDF • Khả năng phân quyền đối với các báo cáo, khả năng che dấu (masking) các thông tin nhạy cảm (sensitive data) • Hỗ trợ phân cấp máy chủ đại diện cho thành phần quản trị tập trung bao gồm: Phân phát gói cập nhật, phân phát Policy. Hỗ trợ cân bằng tải (load-balancing) giữa các máy chủ đại diện. • Hỗ trợ sẵn cơ chế snapshot, cung cấp khả năng khôi phục sau thảm họa (disaster recovery) • Khả năng tích hợp mở rộng với nền tảng Extended Detection and Response (XDR)
1.2	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ (SAN Switch)	Bộ	02	Cổng kết nối: ≥ 16 cổng quang FC 16Gb kèm sẵn module quang FC 16Gb SFP. Có khả năng mở rộng lên tới 24 cổng quang FC 16Gb Phụ kiện: Có sẵn 16 dây quang OM4 LC/LC Multi Mode dài 5m hoặc tương đương Hiệu năng hoạt động: + 32Gb/s SFPs có thể hoạt động ở 32, 16 hoặc 8Gb/s. + 16Gb/s SFPs có thể hoạt động ở 16, 8 và 4Gb/s. Băng thông tổng hợp: ≥ 768 Gb/s

1.3	Thiết bị lưu trữ SAN (Tối thiểu 40Tb, dual controler)	Bộ	01	- Khay đĩa điều khiển (Controller): ≥ 2 controller, chạy song song cho phép thay thế nóng. - Bộ vi xử lý: Intel® Xeon Processor - Bộ nhớ cho mỗi bộ điều khiển: $\geq 8\text{GB}$ cho controller và 16GB cho cache (Tổng $\geq 24\text{GB}$) - Dung lượng: Có sẵn $\geq 24 \times 2.4\text{TB}$ 10K RPM SAS 12Gbps 2.5in Hot-plug Hard Drive; Hỗ trợ mở rộng lên tới 276 ổ cứng trong 1 hệ thống - Cổng kết nối: $\geq 8\text{X SFP}$, FC16, 16GB hoặc tương đương, cao hơn. - Có sẵn các tính năng sau mà không phải mua thêm license: + Auto-Tiering: hỗ trợ lên đến 3 primary tiers + Hỗ trợ bộ nhớ đệm đọc (Read Cache) lên đến 4TB khả dụng với ổ SSD. + hỗ trợ RAID 1, 5, 6, 10, or ADAPT RAID. Cho phép kết hợp bất kỳ loại Raid nào trên cùng một Single Array. + Chức năng Thin Provisioning: Kích hoạt (active) mặt định trên toàn bộ các volumes. + Chụp ảnh dữ liệu (Snapshots): hỗ trợ lên tới đa 1024 bản chụp trên một array. - Hỗ trợ các loại khay đĩa mở rộng: + 12 x 3.5" drive bays (12Gb SAS) + 24 x 2.5" drive bays (12Gb SAS) + 84 x 3.5" drive bays (12Gb SAS) - Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật: 3 năm
1.4	Phần mềm ảo hóa bản quyền vĩnh viễn	License	08	Phần mềm ảo hóa bản quyền vĩnh viễn theo số lượng CPU vật lý (không sử dụng phần mềm mở). Có đầy đủ các tính năng như: HA, DRS, Automated Hot Add, backup, clone. Hỗ trợ kỹ thuật chính hãng tối thiểu 1 năm
1.5	UPS	Bộ	01	Thiết bị lưu điện dạng lắp rack loại 10KVA - Power: 10000VA/9000W - Công nghệ: On-line double conversion - Hệ số công suất ≥ 0.9 - Điện áp vào: 110 ~ 276 VAC - Tần số nguồn vào: 50 ± 5; 60 ± 6 Hz - Điện áp ra: $208 \pm 1 \%$; $220 \pm 1 \%$; $230 \pm 1 \%$; $240 \pm 1 \%$ Vac (Configurable) - Tần số nguồn ra: $50 \pm 0.1\%$; $60 \pm 0.1\%$ Hz - Internal Bypass: hỗ trợ Automatic Bypass, Manual Bypass

				- Cổng ra ≥ 9 cổng (1 x Hardwire Terminal Block; 4 x IEC C13; 4 x IEC C19) - Màn hình hiển thị LCD và Led - Bảo vệ chống sét lan truyền: có - Lọc EMI/RFI: Có - EPO (Emergency power off): ngắt out khẩn cấp - Cổng kết nối: RS232, USB - SNMP/HTTP Remote Management Capability: Có hỗ trợ tùy chọn - Phần mềm: Có tùy chọn phần mềm giám sát và quản lý điện của chính hãng UPS - Kiểu dáng: Rack/ Tower. - Bao gồm: 01 power module (3U) + 01 battery module (3U)
II	Hạ tầng mạng			
2.1	Thiết bị chuyển mạch lớp Core (Switch Core)	Bộ	02	- Cổng kết nối: 28 x SFP+, 2 x QSFP28 - Phụ kiện đi kèm: 1 x Networking Cable, QSFP+ to QSFP+, 40GbE Passive Copper Direct Attach Cable, 0.5 m - Phần cứng: + Số cổng 10GbE maximum hỗ trợ: 36 + Số cổng 25GbE Maximum hỗ trợ: 8 + Số cổng 40GbE Maximum hỗ trợ: 2 + Số cổng 50GbE Maximum hỗ trợ: 4 + Số cổng 100GbE Maximum hỗ trợ: 2 + Packet buffer memory: 12MB + CPU memory: 4GB - Hiệu năng: + Năng lực chuyển mạch (Switching capacity): 960 Gbps + Tỷ lệ chuyển tiếp gói tin: Throughput 720 Mpps - Tính năng: + Hỗ trợ khả năng chuyển mạch Layer 2 và Layer 3 có thể mở rộng với QoS, ACL và đầy đủ các tính năng dựa trên IPv4, IPv6 bao gồm: OSPF, BGP và PBR + Hỗ trợ Open Network Install Environment (ONIE) - có thể cài đặt các hệ điều hành mạng thay thế + Hỗ trợ VXLAN layer 2/layer 3 gateway + Hỗ trợ mạng hội tụ cho DCB (Data Center Bridging), với kiểm soát luồng ưu tiên (802.1Qbb), ETS (802.1Qaz), DCBx và hỗ trợ

				iSCSI TLV + Hỗ trợ L2 VXLAN và L3 VXLAN routing bao gồm cả Asymmetric và Symmetric IRB + Hỗ trợ khung DevOps nhất quán trên cả các yếu tố: tính toán (Compute), lưu trữ (Storage) và mạng (Networking) + Hỗ trợ tính năng VLT (Virtual Link Trunking) + Hỗ trợ tính năng Mirroring nâng cao bao gồm: local mirroring, Remote Port Mirroring (RPM), và Encapsulated Remote Port Mirroring (ERPM) Nguồn cấp 2 Nguồn chạy dự phòng, hỗ trợ thay thế nóng - Quạt Quạt chạy dự phòng, hỗ trợ thay thế nóng - Quản trị 1 RJ45 console/management port with RS232 - Hỗ trợ SNMPv1/v2c/v3, Telnet, FTP, TACACS, RADIUS, SSH, NTP
2.2	Module quang SFP	Cái	18	- Chuẩn tốc độ tối thiểu: 10Gpbs. - Khoảng cách truyền dẫn: có thể lên đến 300m. - Bước sóng tối thiểu: 850nm. - Chuẩn kết nối: Dual LC, Multimode.
2.3	Wifi ốp trần hoặc gắn tường	Chiếc	30	- Giao diện kết nối: + 1 x 10/100/1000Mbps Base-T adaptive Ethernet Port, 802.3af PoE (LAN1) + 1 x 10/100/1000Mbps Base-T adaptive Ethernet Port (LAN2) - Cấu hình phần cứng và năng lực của thiết bị +RF Design: +/- Radio1: 2.4 GHz, 2 streams: 2*2 +/- Radio2: 5 GHz, 2 streams: 2*2" + Max data rate: +/- 2.4 GHz: 574Mbps +/- 5GHz: 1201Mbps" + Channelization: 20, 40, 80 MHz + SSID Numbers: 16 x SSIDs (2.4GHz+5GHz) + STA Capacity: 512 + Antenna: 4 Antennas bên trong + Chuyển vùng nhanh (Fast Roaming): 802.11 K/V/R - Bảo mật: Open, PSK, WPA-Personal, WPA-Enterprise, WPA2-Personal, WPA2-Enterprise, WPA3- Personal, WPA3-Enterprise, Portal, 802.1X, Radius

				- Công nghệ MIMO: + Multi-User Multiple Input Multiple Output (MU-MIMO) + Space-Time Block Coding (STBC) - Chế độ hoạt động: hoạt động ở các Mode: FIT/FAT Mode - Yêu cầu về Nguồn: + Support 802.3af (LAN1) + DC 12 V/1.5 A + Power consumption: < 13W
III	Trang thiết bị CNTT phục vụ bệnh án điện tử			
3.1	Màn hình hiển thị mã QR	Chiếc	5	CPU: High performance 32-bit secure processor Màn hình: 2.4 inch, độ phân giải 240*320, LCD Bộ nhớ: RAM: 640KB + FLASH: 4MB Cổng giao tiếp: USB Chiều dài dây kết nối: 2m Hỗ trợ tài liệu tích hợp với phần mềm khác, tùy chỉnh theo yêu cầu; Chuyên hiển thị mã QR động xuất ra từ máy tính tiền (POS) Nguồn: $\geq 5V/1A$
3.2	Màn hình y tế đọc ảnh PACS (Picture Archiving and Communication Systems)	Cái	2	- Công nghệ màn hình: LCD - Kích thước màn hình: 21.5" - Tỷ lệ (H:V): 16:9 - Độ phân giải: 2 MP - Kích thước điểm ảnh: 0.248mm - Độ sâu màu: 30 Bit - Góc nhìn (H, V): 178° - Cài đặt chế độ hiển thị: có, lựa chọn phòng đọc - Cảm biến phía trước: Yes, cảm biến độ đồng nhất phía trước - Độ sáng tối đa: 300 cd/m² - Độ sáng DICOM calibrated: 180 cd/m² - Độ tương phản: 1000:1 - Thời gian phản hồi: 7.5ms - Tín hiệu đầu vào: 1x DVI-I, 1x DisplayPort - Cổng USB: 1x USB 2.0 upstream (endpoint), 2x USB 2.0 downstream

				- Góc nghiêng: -5° to +22° - Góc xoay: 90° - Khoảng thay đổi độ cao: 110 mm - Phần mềm tự động hiệu chỉnh hình ảnh
IV	Trang thiết bị công nghệ thông tin bổ sung			
4.1	Màn hình hiển thị mã QR	Chiếc	20	CPU: High performance 32-bit secure processor Màn hình: 2.4 inch, độ phân giải 240*320, LCD Bộ nhớ: RAM: 640KB + FLASH: 4MB Cổng giao tiếp: USB Chiều dài dây kết nối: 2m Hỗ trợ tài liệu tích hợp với phần mềm khác, tùy chỉnh theo yêu cầu; Chuyên hiển thị mã QR động xuất ra từ máy tính tiền (POS) Nguồn: $\geq 5V/1A$
4.2	Máy in mã vạch	Chiếc	8	Độ phân giải: 203dpi Mã hoá chuẩn barcode: 1D, 2D In chiều rộng: 4 inch Tốc độ in: 152.4 mm (6ips) Bộ nhớ: 16 MB SDRAM, 8 MB Flash Cổng giao tiếp: USB.
4.3	Máy tính để bàn	Bộ	30	- Sản phẩm được sản xuất bởi tổ chức, doanh nghiệp đạt các chuẩn tối thiểu về: hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001; hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001; hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001; hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001; - Được công bố hợp quy phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 118:2018/BTTTT và QCVN 132:2022/BTTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông; - Có tài liệu kỹ thuật (catalogue), tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam hoặc được dịch ra tiếng Việt Nam nếu là tiếng nước ngoài; * Cấu hình kỹ thuật tối thiểu: - Cấu hình case máy tính:

				+ Bộ vi xử lý: Intel® Core™ Core i5 - thế hệ thứ 12 trở lên, Processor 3.3 GHz (12MB cache, 4 nhân, 8 luồng); + Bộ nhớ RAM: $\geq 16\text{GB DDR4}$; + Ổ cứng: $\geq 512\text{ GB SSD}$; - Hệ điều hành: Windows 11 Home bản quyền vĩnh viễn - Màn hình máy tính: Kích thước $\geq 21.5\text{ inch}$, độ phân giải Full HD (1920 x 1080); - Kết nối mạng có dây: Đạt tiêu chuẩn Gigabit LAN trở lên. - Thiết bị ngoại vi tối thiểu kèm theo: 01 chuột có dây; 01 bàn phím có dây tiêu chuẩn cổng kết nối USB. - Bảo hành tối thiểu 24 tháng tại đơn vị sử dụng.
4.4	Máy tính xách tay	Chiếc	11	- Sản phẩm được sản xuất bởi tổ chức, doanh nghiệp đạt các chuẩn tối thiểu về: hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001; hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001; hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001; hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001; - Được công bố hợp quy phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 118:2018/BTTTT và QCVN 132:2022/BTTTT theo quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BTTTT ngày 29/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông; - Có tài liệu kỹ thuật (catalogue), tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam hoặc được dịch ra tiếng Việt Nam nếu là tiếng nước ngoài; * Cấu hình kỹ thuật tối thiểu - Năm sản xuất: 2024 trở lại đây. - Pin: 3 Cell - Camera: 720P - Màn hình: 14" FHD (1920 x 1080) - Đồ họa: Đồ họa tích hợp Intel® UHD - RAM: $\geq 8\text{ GB DDR4-3200MHz}$ - Hệ điều hành: Windows 11 Home 64 bản quyền vĩnh viễn - Bộ vi xử lý: Intel® Core™ Core i5 - thế hệ thứ 13 trở lên (E-cores up to 3.40 GHz P-

				cores up to 4.) - Ổ cứng: ≥ 256 GB SSD M.2 - Wireless LAN: Wi-Fi 6 2x2 AX & Bluetooth® 5.1 - Tính năng: Bảo mật vân tay - Phụ kiện đi kèm: Adapter, Túi, Chuột không dây; - Bảo hành: 12 tháng tại đơn vị sử dụng kể từ ngày bàn giao thiết bị.
4.5	Màn hình TIVI 55inch hiển thị thông tin	Chiếc	8	Loại Tivi: Smart Tivi Kích cỡ màn hình: 55 inch Độ phân giải: 4K (Ultra HD) Loại màn hình: Đèn nền: LED nền (Direct LED) Tần số quét thực: 60 Hz Kết nối Internet: Wi-Fi Cổng mạng LAN Kết nối không dây: Bluetooth (Kết nối loa, thiết bị di động) USB: 1 cổng USB A Cổng nhận hình ảnh, âm thanh: 3 cổng HDMI có 1 cổng HDMI eARC (ARC) Cổng xuất âm thanh: 1 cổng Optical (DigitalAudio), 1 cổng eARC (ARC)
4.6	Máy đọc mã vạch	Chiếc	16	- Máy quét mã, Đầu đọc mã vạch 2D có dây; - Công nghệ đọc mã vạch: Chụp ảnh tuyến tính (Imager) - Tốc độ đọc mã vạch: ≥ 120 in (~305cm) / giây đối với mã vạch UPC 13mil - Độ phân giải $\geq 1280 \times 800$ pixels - Đèn báo: Beeper - Chuẩn kết nối: USB - Hỗ trợ các chuẩn mã vạch: 1D & 2D; mã bưu điện; đọc mã thẻ bảo hiểm y tế, căn cước công dân - Chuẩn IP52 - Loại mã vạch có thể đọc 1D: Code 39, Code 128, Code 93, Codabar/NW7, Code 11, MSI Plessey, UPC/EAN, I 2 of 5, Korean 3 of 5, GS1 DataBar, Base 32 (Italian Pharma); Code 39, Code 128, Code 93, Codabar/NW7, Code 11, MSI Plessey, UPC/EAN, I 2 of 5, Korean 3 of 5, GS1 DataBar, Base 32 (Italian Pharma) - 2D: PDF417, Micro PDF417, Composite Codes, TLC-39, Aztec, DataMatrix, MaxiCode, QR Code, Micro QR, Han Xin, Postal Codes, securPharm, DotCode, Dotted DataMatrix

				- OCR: OCR-A, OCR-B, MICR, US currency - Bảo hành 1 năm
4.7	Máy Scan	Chiếc	8	• Công nghệ: Dual CIS • Giao Diện: Hi-Speed USB 3.0, USB Host • Bộ nhớ: ≥ 256 MB • Tốc độ scan: ≥ 25 ppm/ 50 ipm • Khay nạp giấy tự động: ≥ 20 tờ • Scan thẻ nhựa: độ dày ≥ 1.24 mm • Độ phân giải quang học: $\geq 600 \times 600$ dpi • Độ phân giải nội suy: $\geq 1200 \times 1200$ dpi • Bảng điều khiển: 3 phím chức năng có thể gán được • Chức năng scan: Scan to PC, Scan to USB Host, tự động chỉnh trang nghiêng, tự động nhận biết hiệu chỉnh kích thước trang, tự động xoay hình ảnh, tự động bỏ trang trắng, tùy chỉnh độ sáng, tương phản, loại bỏ màu sắc mong muốn sau khi scan, tự động loại bỏ vết lốm đốm, tự động xóa vết đục lỗ, chế độ scan thẻ nhựa, Scan giấy dài lên đến 800 mm • Hỗ trợ cấp nguồn qua cáp USB • Phần mềm đi kèm: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. • Hỗ trợ khay đỡ giấy ra tùy chọn • Công suất scan hàng ngày: $\geq 1,000$ tờ
4.8	Xe tiêm tích hợp máy tính	Chiếc	2	Hàng hóa được sản xuất bởi đơn vị Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 9001; ISO 14001; ISO 13485 trong sản xuất trang thiết bị y tế; 1. YÊU CẦU CẤU HÌNH - Thân tử và 4 bánh xe: 01 bộ - Giá đựng đồ: 01 chiếc - Thùng đựng rác: 02 chiếc - Cọc truyền 4 móc: 01 chiếc - Tấm cứng thực hiện CPR: 01 chiếc - Ổ cắm điện đánh trên thân xe: 01 ổ - Chìa khóa tổng các ngăn kéo: 01 chiếc - Bình đựng bơm kim tiêm sau khi sử dụng: 01 chiếc - Máy tính kèm giá đỡ: 01 bộ

				- Pin, sạc: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh (nếu có) và tiếng Việt: 01 bộ 2. ĐẶC TÍNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT - Kích thước của xe: Dài 840 x Rộng 495 x Cao 960 mm ($\pm 5\text{mm}$) - Khung xe được làm bằng thanh nhôm định hình - Mặt xe được làm bằng nhựa đúc nguyên khối, có lan can bằng inox $\phi \geq 12,7$ ($\pm 5\%$) cao ≥ 70 mm ($\pm 5\%$) - Ngăn kéo được làm bằng thép sơn tĩnh điện, bên trong có gắn các thanh chia khay lớn thành nhiều khay nhỏ - Xe gồm tối thiểu 5 ngăn kéo (2 ngăn nhỏ, 2 ngăn trung và 1 ngăn lớn) - Bốn bánh xe phi ≥ 100 mm, tối thiểu 2 bánh có phanh * Máy tính kèm giá đỡ - Kích thước màn hình máy tính ≥ 19 inch; độ phân giải 1280 x 1024; Loại màn hình: Màn hình cảm ứng đa điểm. - Có tối thiểu các cổng USB, LAN - Bộ nhớ hệ thống $\geq 4\text{GB}$; tối thiểu 1 bộ nhớ đệm - Ổ cứng ≥ 128 Gb - Có Wifi, tích hợp sẵn 2 loa - Dung lượng pin máy tính ≥ 5.800 mah
4.9	Máy tính bảng (có kết nối LTE)	chiếc	1	• Kích thước màn hình: 11 inches • Độ phân giải màn hình: 2420x1668 pixel • Camera sau: Camera góc siêu rộng 12MP, $f/2.4$ • Tính năng camera: + Quay video ProRes lên đến 4K + Phóng đại âm thanh + Video tua nhanh có chống rung + Video tự động lấy nét liên tiếp + Thu phóng khi xem + Zoom kỹ thuật số + Xóa phông + Tua nhanh thời gian (Time-lapse) + Toàn cảnh (Panorama)

				+ Smart HDR 4 • GPU: 10 nhân • Thẻ SIM: 1 eSIM • Hỗ trợ mạng: 5G • Bộ nhớ trong: 256 GB
4.10	Máy tính bảng	Chiếc	29	- Màn hình: TFT LCD độ sâu màu sắc 16M - Độ phân giải: 2560 x 1600 (WQXGA) - Màn hình rộng: 12.4" - Tần số quét 90 Hz - Hệ điều hành: Android 13 hoặc tương đương trở lên. - Chip xử lý (CPU): 8 nhân Tốc độ CPU: 4 nhân 2.4 GHz & 4 nhân 2 GHz - RAM: 8 GB - Dung lượng lưu trữ: 128 GB - Thẻ nhớ ngoài: Micro SD, hỗ trợ tối đa 1 TB - Camera sau: Chính 8 MP & Phụ 8 MP - Camera trước: 12 MP - Độ Phân Giải Quay Video: UHD 4K (3840 x 2160)@30fps - Wifi: 802.11 a/b/g/n/ac/ax 2.4G+5GHz, HE80, MIMO, 1024-QAM - Bluetooth: Bluetooth 5.3 - Cổng kết nối/sạc: Type-C - Phiên bản USB: USB 2.0 - Cảm biến: Gia tốc, Cảm biến vân tay, Cảm biến Gyro, Cảm biến ánh sáng - Pin: Dung lượng pin 10090 mAh; Thời gian sử dụng Internet (Wi-Fi) Lên tới 18 giờ

* **Ghi chú:** Giá báo giá đảm bảo hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng ; Sản xuất năm 2024 trở lại đây ; Đã bao gồm thuế VAT và toàn bộ chi phí triển khai, lắp đặt, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

* **Khuyến nghị với Chủ đầu tư, danh mục và các thông số kỹ thuật có thể dẫn đến hạn chế nhà thầu:**

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật có thể dẫn đến hạn chế nhà thầu	Thông số kỹ thuật khuyến nghị đảm bảo tối thiểu có 03 hãng sản xuất đáp ứng	Tài liệu chứng minh các khuyến nghị của đơn vị báo giá là có căn cứ
-----	----------	---	---	---

1.				
2.				
..				

Gửi kèm báo giá là:

1. Bản chụp Đăng ký kinh doanh của đơn vị (Đóng dấu treo của Công ty);
2. Bản chụp các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của phần mềm; Catalog thể hiện thông số, đặc tính và các tính năng của phần mềm (Đóng dấu treo của Công ty);
3. Các hợp đồng tương tự ký kết phần mềm quản lý y tế tương tự gói thầu này trong thời gian 01 năm trở lại đây (Bản chụp đóng dấu treo của Công ty).
4. Hiệu lực của báo giá tối thiểu là 90 ngày kể từ ngày báo giá.

....., ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)